

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

TIẾNG ANH LỚP 2

Global Success · Kết nối tri thức · Bộ 1 · 30 phút nghe/đọc/viết · Nói riêng 3–5 phút

Trọng tâm Unit 9–16: món ăn, hoạt động, số 11–20, quần áo và cắm trại; vị trí với near; ôn bài đã học.

Họ và tên: Lớp:

Bộ ôn tập tự biên soạn, thang 10 điểm. Người lớn đọc mỗi lời nghe hai lần, nghỉ khoảng 5 giây; phần nói làm riêng 3–5 phút. Hướng dẫn tiếng Việt có thể đọc giúp học sinh.

I. LISTENING · Nghe

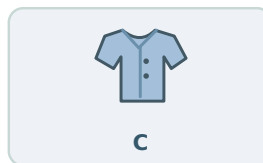
Câu 1 (0,5 điểm). Listen and choose. Nghe và chọn đáp án đúng.

A. 13

B. 15

C. 18

Câu 2 (0,5 điểm). Listen and choose. Nghe và chọn tranh đúng.

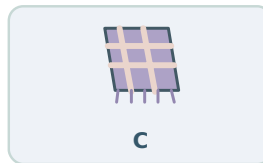


A. Tranh A

B. Tranh B

C. Tranh C

Câu 3 (0,5 điểm). Listen and choose. Nghe và chọn tranh đúng.



A. Tranh A

B. Tranh B

C. Tranh C

Câu 4 (0,5 điểm). Listen and choose. Nghe và chọn đáp án đúng.

A. watching TV

B. cleaning the floor

C. riding bikes

II. READING · Đọc

Câu 5 (0,5 điểm). Look and choose. Chọn từ cho tranh.



A. tent

B. blanket

C. teapot

Câu 6 (0,5 điểm). What is she doing? — She is _____ TV.

A. watch

B. watching

C. watches

Câu 7 (0,5 điểm). Where are the shorts? — _____ over there.

A. It's

B. They're

C. I'm

Câu 8 (0,5 điểm). Look and choose the number. Đọc số: 17.

A. sixteen

B. seven

C. seventeen

Câu 9 (1 điểm). Read and match. Ghép từ với tranh: 1. shoes; 2. tent.



III. WRITING · Viết

Câu 10 (1 điểm). Reorder the words. Sắp xếp thành câu:

a) near the tent. / The blanket / is

b) are / The shirts / over there.

Câu 11 (2 điểm). Complete the words. Điền chữ còn thiếu:



a) sh_es

b) te_t

c) teapo_

d) shi_ts

IV. SPEAKING · Nói

Câu 12 (2 điểm). Point and say. Nói tên hai tranh, rồi dùng "I can see..." nói một câu về tranh em chọn.



ĐÁP ÁN · LỜI ĐỌC · HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề ôn tập cuối học kì ii Tiếng Anh 2 Global Success – Bộ 1

Phần nghe: cho học sinh xem lựa chọn 20 giây, đọc chậm rõ mỗi lời hai lần, cách nhau 5 giây; chờ 5 giây trước câu kế. Không đọc tên chữ A/B/C hoặc đáp án. Có thể đọc giúp hướng dẫn tiếng Việt. Phần nói: chấm trực tiếp, ưu tiên hiểu và giao tiếp.

Câu 1 · 0,5 điểm

C. 18

Lời đọc: How many shirts are there? Eighteen shirts.

- Nghe eighteen, chọn 18.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 2 · 0,5 điểm

B. Tranh B

Lời đọc: Where are the shoes?

- Lời đọc gọi tên hình ở phương án B.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 3 · 0,5 điểm

A. Tranh A

Lời đọc: I can see a tent.

- Lời đọc gọi tên hình ở phương án A.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 4 · 0,5 điểm

A. watching TV

Lời đọc: What is he doing? He's watching TV.

- Nghe watching TV.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 5 · 0,5 điểm

C. teapot

- Tranh là ấm trà: teapot.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 6 · 0,5 điểm

B. watching

- Mẫu câu She is watching TV.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 7 · 0,5 điểm

B. They're

- Shorts là danh từ số nhiều, dùng They're.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 8 · 0,5 điểm

C. seventeen

- 17 đọc là seventeen.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 9 · 1 điểm

1–b; 2–a.

- Shoes là giày; tent là lều.

Mỗi cặp đúng 0,5 điểm.

Câu 10 · 1 điểm

a) The blanket is near the tent.; b) The shirts are over there.

- The blanket is near the tent.
- The shirts are over there.

Mỗi câu đúng 0.5 điểm; chấp nhận dấu câu và dạng viết hoa phù hợp.

Câu 11 · 2 điểm

a) shoes; b) tent; c) teapot; d) shirts

- sh_es → shoes.
- te_t → tent.
- teapo_ → teapot.
- shi_ts → shirts.

Mỗi từ đúng 0.5 điểm.

Câu 12 · 2 điểm

a) tent; b) teapot. Ví dụ: I can see a tent.

- Người lớn hỏi lần lượt; cho học sinh thời gian nghĩ và có thể nhắc lại câu hỏi một lần.
- Đáp án là ví dụ. Chấp nhận câu trả lời đúng với học sinh; không yêu cầu nói giống hệt mẫu.

Nội dung phù hợp yêu cầu: 1 điểm. Nói rõ từ/câu để người nghe hiểu: 1 điểm. Không đòi hỏi giọng bản ngữ.

Nguồn đối chiếu và cách sử dụng

Đề ôn tập tự biên soạn sau khi học dạng bài của đề cũ và đối chiếu phạm vi. Thang điểm riêng của bộ đề; không phải đề chính thức của trường hoặc nhà xuất bản. Phần nghe dùng lời đọc mới ở trên, chưa có tệp âm thanh đi kèm. Câu mở chấp nhận cách trả lời khác đúng.

- [Đề cuối HKI Tiếng Anh 2, trường Xuân Thành, năm học 2024–2025 \(bản chia sẻ\)](#)
- [Tài liệu tập huấn Tiếng Anh 2 – NXBGDVN \(ISEEBOOKS\)](#)
- [Đối chiếu Unit 16 lớp 2 – VnDoc](#)